

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/DS - ST**
Ngày: 04/3/2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Khuyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Dũng

2. Ông Trương Văn Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện C tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 02 năm 2020; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Xuân L, sinh năm: 1977

Địa chỉ: số b, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1961

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Đông C, sinh năm: 1973

Địa chỉ: số b, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

4. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Kim Ng, sinh năm: 1955

Địa chỉ: số b, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(bà L có mặt; ông C, bà N, bà Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2019, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Mai Xuân L trình bày:*

Gia đình bà mở cửa hàng kinh doanh vật tư nông nghiệp bán thuốc trừ sâu ồng nước và các dụng cụ khác. Bà N có mua vật tư nông nghiệp thuốc trừ sâu ồng nước và các dụng cụ khác phục vụ nông nghiệp nhiều lần của gia đình bà. Bắt đầu mua từ trước năm 2013, mỗi lần mua bà N đều thiếu nợ lại tiền. Tổng số tiền bà N còn nợ lại là 450.000.000 đồng. Do bà N không trả tiền mua bán vật tư nông nghiệp được cho gia đình bà nên giữa bà và bà N thống nhất số tiền nợ do mua bán sẽ chuyển thành tiền vay. Vì vậy, bà N có làm cho bà 01 giấy mượn tiền viết tay ghi ngày 14/4/2013 mượn của bà số tiền 230.000.000 đồng, hẹn đến ngày 14/4/2015 (âm lịch) trả và 01 giấy mượn tiền viết tay ghi ngày 09/11/2013 mượn của bà số tiền 220.000.000 đồng, hẹn đến ngày 09/11/2016 trả. Khi vay không thỏa thuận về lãi suất. Từ khi vay đến nay bà N chưa trả cho bà số tiền gốc nào và cũng không trả số tiền lãi suất nào. Tổng cộng số tiền gốc bà N còn nợ bà là 450.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc cá nhân bà Nguyễn Thị N trả cho bà số tiền gốc là 450.000.000 đồng, bà không yêu cầu lãi suất từ khi vay đến khi giải quyết tại Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay bà không yêu cầu bà N phải trả lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

** Theo các lời khai trong hồ sơ thể hiện bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà N thừa nhận có vay của bà Mai Xuân L số tiền gốc 450.000.000 đồng và có làm giấy mượn nợ viết tay ngày 14/4/2013 và ngày 09/11/2013 với số tiền gốc và nội dung trong giấy mượn nợ, thời gian hẹn trả nợ như bà L đã trình bày. Khi vay thì đôi bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 5%/tháng/1 triệu nhưng không ghi vào giấy mượn tiền, cũng không có người làm chứng. Từ khi vay đến nay bà chưa trả cho bà L, ông C số tiền gốc nào, nhưng bà đã trả được 500.000.000 đồng tiền lãi suất cho vợ chồng bà L, khi trả tiền lãi suất thì không làm giấy tờ gì, cũng không có người làm chứng và bà L, ông C không thừa nhận việc bà đã trả tiền lãi suất nên bà không yêu cầu điều chỉnh số tiền lãi suất mà bà đã trả cho vợ chồng bà L trong vụ án này. Bà xác định đây là khoản tiền vay không phải tiền mua bán vật tư nông nghiệp như bà L, ông C đã trình bày. Đây là khoản nợ riêng của cá nhân bà đối với vợ chồng bà L, ông C. Nay bà đồng ý trả số tiền 450.000.000 đồng cho vợ chồng bà L, ông C. Tuy nhiên tài sản hiện còn của bà chỉ là số tiền 420.000.000 đồng mà bà Nguyễn Kim Ng phải trả cho bà theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2018/QĐST – DS ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, hiện tại bà Ngọc chưa trả cho bà số tiền này, trong khi bà còn nợ nhiều người nên bà phải chia số tiền 420.000.000 đồng này ra để trả cho vợ chồng bà L, ông C và các chủ nợ khác nên không trả một lúc 450.000.000 đồng cho vợ chồng bà L, ông C được. Vì vậy bà không đồng ý ký biên bản hòa giải thành, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/12/2019 bà có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi Tòa án.

** Theo các lời khai trong hồ sơ thể hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên*

quan ông Nguyễn Đông C trình bày:

Ông thống nhất với tất cả lời trình bày của bà L. Số tiền 450.000.000 đồng là tài sản chung của ông và bà L nên ông yêu cầu cá nhân bà N có trách nhiệm trả số tiền 450.000.000 đồng tiền gốc cho vợ chồng ông, ông không yêu cầu lãi suất từ khi vay đến khi giải quyết tại Tòa án và cả lãi trong giai đoạn thi hành án.

Ngày 09/01/2020 ông có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi Tòa án.

** Người làm chứng bà Nguyễn Kim Ng trình bày:*

Vào năm 2017 bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N với giá 3,5 tỷ đồng, khi thanh toán tiền cho bà N thì bà còn giữ lại số tiền 480.000.000 đồng. Trước đó bà biết bà N còn thiếu nợ vợ chồng bà L, ông C nên bà đã tự ý cản trừ nợ của bà N cho vợ chồng bà L, ông C mà không được sự đồng ý của bà N. Ông Chí là người nhận số tiền 365.000.000 đồng từ bà. Nay bà Loan, ông Chí khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 450.000.000 đồng cho vợ chồng bà Loan, ông Chí thì bà không có ý kiến và không tranh chấp gì, đây là việc bà N nợ tiền của vợ chồng bà Loan, ông Chí thì bà N phải có trách nhiệm trả. Còn sự việc bà Loan, ông Chí, nhận số tiền 365.000.000 đồng của bà thì đã được giải quyết bằng bản án dân sự phúc thẩm số: 173/2019 ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có hiệu lực pháp luật.

** Các tài liệu, chứng cứ:*

Tài liệu, chứng cứ mà bà L và ông C cung cấp gồm: Bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); 02 giấy mượn tiền (bản chính và bản pho to); Đơn xin xác nhận (bản chính); biên bản lấy lời khai (bản pho to); bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019 ngày 20/6/2019 (photo); bản án dân sự phúc thẩm số 173/2019 ngày 12/11/2019 (bản sao);

Bị đơn bà N không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tài liệu, chứng cứ mà bà Ngọc cung cấp: chứng minh nhân dân; hộ khẩu (bản đối chiếu); bản tự khai (bản chính).

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được:

Chứng minh nhân dân của bà N (bản pho to); biên bản lấy lời khai của các đương sự (bản chính);

** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Tuy nhiên vẫn còn những vi phạm sau: vi phạm thời hạn thụ lý đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 191 và gửi thông báo thụ lý vụ án cho đương sự trễ theo quy định tại Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiến nghị khắc phục những vi phạm trên.

Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà N trả 450.000.000 đồng cho bà L, ông C. Không xem xét lãi suất do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết: Việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào ngày 14/4/2013 và ngày 09/11/2013 thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Các bên đã thực hiện giao dịch trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành và phát sinh tranh chấp nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2019 và các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ thể hiện: Vào ngày 14/4/2013 và ngày 09/11/2013 bà L, ông C đã cho bà N vay tổng cộng 450.000.000 đồng, hẹn thời hạn trả nợ đối với khoản vay cuối cùng là ngày 09/11/2016 trả 220.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay vẫn chưa trả số tiền nào. Như vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, ông C bị xâm phạm, việc tranh chấp giữa các bên là tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên thời hiệu khởi kiện là 03 (ba) năm, tính từ ngày quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Vì vậy, đến ngày bà L khởi kiện 23/10/2019 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bà L, ông C chỉ khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán nợ gốc, không yêu cầu lãi suất, các bên đương sự tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nợ nên đây là vụ kiện:” Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị N hiện thường trú ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện C theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về tư cách tham gia tố tụng: bà Mai Xuân L có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền gốc đã vay nên bà L là nguyên đơn, bà N là bị đơn trong vụ án. Ông C được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đưa bà Nguyễn Kim Ng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên vụ án giữa bà Ng và vợ chồng bà L, ông C đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, nên trong vụ án này bà Ng không liên quan gì. Vì vậy HĐXX xác định bà Ng tham gia trong vụ án này là với tư cách là người làm chứng.

[5] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đông C có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án nhân dân huyện C. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đề trình bày rằng bà N còn nợ vợ chồng bà L 450.000.000 đồng tiền gốc, đồng thời đã cung cấp hai giấy mượn nợ (bản chính) do bà N viết và ký tên để chứng minh cho yêu cầu của mình. Đồng thời bà N cũng thừa nhận bà có vay của vợ chồng bà L, ông C số tiền gốc 450.000.000 đồng và chữ ký, chữ viết trong giấy vay vốn viết tay đúng là chữ ký, chữ viết của bà và hiện tại chưa trả được số tiền nào. Từ đó chứng tỏ việc bà L, ông C cho bà N vay số tiền gốc 450.000.000 đồng là đúng và bà N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 450.000.000 đồng cho bà L, ông C.

Do bà L, ông C không yêu cầu bị đơn trả lãi suất đối với số tiền trên nên không đặt ra xem xét.

Bà N cho rằng đã trả cho vợ chồng bà L 500.000.000 đồng tiền lãi suất nhưng không được bà L, ông C thừa nhận và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền lãi suất này, bà N cũng không yêu cầu điều chỉnh về lãi suất vượt quá nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Từ những chứng cứ, phân tích, đánh giá như trên đã có đủ cơ sở khẳng định bà N còn nợ vợ chồng bà L, ông C số tiền gốc là 450.000.000 đồng. Do đó căn cứ vào Điều 474 BLDS năm 2005 buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Mai Xuân L và ông Nguyễn Đông C số tiền 450.000.000 đồng.

[7] Đề nghị của đại diện VKS huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận xem xét.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bà N phải chịu án phí DSST trên tổng số tiền mình phải trả cho bà L, ông C. Số tiền án phí bà N phải nộp là: 450.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + (50.000.000 đồng x 4%) = 22.000.000 đồng; Hoàn trả cho bà Loan số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật TTDS năm 2015.

Căn cứ Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Xuân L.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho bà Mai Xuân L và ông Nguyễn Đông C số tiền gốc 450.000.000 (*bốn trăm năm mươi triệu*) đồng.

Bà L, ông C không yêu cầu bà N trả lãi suất trong giai đoạn thi hành án

- Về án phí: bà Nguyễn Thị N phải nộp 22.000.000 (*hai mươi hai triệu*) đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho bà Mai Xuân L số tiền tạm ứng án phí 11.000.000 (*Mười một triệu*) đồng theo biên lai thu số 0001685 ngày 26/11/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố hợp lệ./.

Nơi nhận :

- TAND. tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H. C.
- Thi hành án dân sự H. C.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn .
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Khuyên